

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 12-5-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Văn Thị Vẹn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Trọn

Bà Nguyễn Kim Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:**  
Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1979 (Trần Hồng Đ, sinh năm 1980) (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp C, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1979 (Nguyễn Minh Tr, sinh năm 1974) (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Ấp C, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bà Trần Thị Đ trình bày: Năm 2002 bà và ông Nguyễn Minh Tr kết hôn, đến ngày 15/3/2002 bà và ông Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Cái Nước (nay là huyện Phú Tân), tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh Tr.

Về con chung, bà và ông Nguyễn Minh Tr có hai người con tên là Nguyễn Minh K (giới tính nam), sinh ngày 17/3/2003 và Nguyễn Minh Kh (giới tính nam), sinh ngày 13/9/2006. Đối với Nguyễn Minh K đã thành niên, tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà yêu cầu nuôi Nguyễn Minh Kh và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Đ xác định tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Minh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của bà Trần Thị Đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà Trần Thị Đ (Trần Hồng Đ) ly hôn ông Nguyễn Minh Tr. Về con chung, giao Nguyễn Minh Kh (giới tính nam), sinh ngày 13/9/2006 cho bà Trần Thị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, ông Tr không cấp dưỡng nuôi con. Đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Đ khởi kiện ông Nguyễn Minh Tr yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung nên đây là quan hệ tranh chấp về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, bị đơn ông Nguyễn Minh Tr cư trú tại ấp B, xã N, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị Đ đã có đơn yêu cầu xin vắng mặt không tham gia tố tụng trong vụ án, ông Nguyễn Minh Tr được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên là đúng theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân, bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Minh Tr kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân

giữa bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Minh Tr được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Trần Thị Đ xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống, vì vậy bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Minh Tr. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Minh Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông Nguyễn Minh Tr không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Đ. Từ đó, chấp nhận cho bà Trần Thị Đ ly hôn ông Nguyễn Minh Tr là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, bà Trần Thị Đ xác định con là Nguyễn Minh K đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Bà Đ có yêu cầu được nuôi con là Nguyễn Minh Kh, không yêu cầu ông Nguyễn Minh Tr cấp dưỡng nuôi con, ông Tr không có ý kiến phản đối, đối với yêu cầu nuôi con của bà Trần Thị Đ. Xét thấy, con chung hiện đang sống với bà Đ, đồng thời Nguyễn Minh Kh cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với bà Đ. Để ổn định tâm lý, không làm xáo trộn môi trường sống và học tập của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao Nguyễn Minh Kh cho bà Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Trần Thị Đ không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà Đ nên không buộc ông Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Bà Trần Thị Đ xác định tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, ông Nguyễn Minh Tr cũng không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Về hôn nhân, chấp nhận cho bà Trần Thị Đ (Trần Hồng Đ) ly hôn ông Nguyễn Minh Tr.

2. Về con chung, giao Nguyễn Minh Kh (giới tính nam), sinh ngày 13/9/2006 cho bà Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Minh Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Minh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Bà Trần Thị Đ (Trần Hồng Đ) chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0017413 ngày 15 tháng 12 năm 2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, như vậy bà Đ không còn phải nộp thêm.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã N,
- huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Thị Vẹn**



